

Số: 301/BC-STP

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả khảo sát tình hình thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2020

Sở Tư pháp báo cáo kết quả khảo sát tình hình thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2020, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Ban hành văn bản thực hiện

Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 33/KH-STP ngày 14/9/2020 về khảo sát tình hình thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường; Phương án khảo sát tình hình thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường (*ban hành kèm theo Quyết định số 179/QĐ-STP ngày 25/10/2020*) và triển khai tổ chức thực hiện.

2. Xây dựng Phiếu khảo sát

Sở Tư pháp xây dựng 02 mẫu phiếu khảo sát gồm:

- **Phiếu khảo sát số 01:** Khảo sát ý kiến của 50 cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị: Công an tỉnh; các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Y tế, Công thương, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân một số xã, phường, thị trấn để thu thập các thông tin về đối tượng khảo sát; đánh giá về tình hình thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường qua các nội dung: việc tuyên truyền, phổ biến, công khai các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đánh giá về hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường; việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường (*hoạt động quản lý của cơ quan quản lý nhà nước; việc chấp hành của doanh nghiệp, cá nhân*); các kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

- **Phiếu khảo sát số 02:** Khảo sát ý kiến của 50 đơn vị, cá nhân, gồm: Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân để thu thập các thông tin về đối tượng khảo sát; đánh giá về tình hình thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường qua các nội dung: việc tiếp cận quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đánh giá về hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường; việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường (*hoạt động quản lý của cơ quan quản lý nhà nước; việc chấp hành của doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân*); các kiến

ngiht, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Phương thức khảo sát: Sở Tư pháp tổ chức Hội nghị lấy ý kiến khảo sát; phối hợp với Phòng Tư pháp huyện, thành phố phát và lấy ý kiến trực tiếp của đối tượng khảo sát; đăng tải trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp để lấy ý kiến trực tuyến.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Kết quả khảo sát đối với cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị (*Phiếu khảo sát số 01*)

Sở Tư pháp đã thực hiện khảo sát, lấy ý kiến trực tiếp của 50 cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ, công chức, trong đó: (1) Về giới tính: Nam: 18 người, chiếm 36%, Nữ: 32 người, chiếm 64%; (2) Về độ tuổi: Từ 26 đến 35 tuổi: 17 người, chiếm 44%, Từ 36 đến 45 tuổi: 28 người, chiếm 56%, Từ 46 đến 55 tuổi: 5 người, chiếm 10%; (3) Về trình độ học vấn: Đại học: 44 người, chiếm 88%, Thạc sỹ: 6 người, chiếm 12 %.

Kết quả khảo sát như sau:

1.1. Đánh giá về ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường ở địa phương

- Có 01/50 phiếu đánh giá ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường ở địa phương là rất tốt, chiếm 2%.
- Có 38/50 phiếu đánh giá ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường ở địa phương là tốt, chiếm 76%.
- Có 08/50 phiếu đánh giá ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường ở địa phương là khá, chiếm 16 %.
- Có 03/50 phiếu đánh giá ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường ở địa phương là bình thường, chiếm 6%.

1.2. Đánh giá về điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị

- Có 47/50 phiếu đánh giá điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị đã được đảm bảo, chiếm 94%.
- Có 03/50 phiếu đánh giá điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị chưa được đảm bảo, chiếm 6%.

1.3. Đánh giá quy định pháp luật bảo vệ môi trường hiện nay

- Có 48/50 phiếu đánh giá các quy định pháp luật bảo vệ môi trường hiện nay đã hợp lý, phù hợp với thực tiễn, chiếm 96%

- Có 02/50 phiếu đánh giá các quy định pháp luật bảo vệ môi trường hiện nay chưa hợp lý, còn nhiều bất cập, chồng chéo, chiếm 4%.

1.4. Đánh giá việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước

- Có 48/50 phiếu đánh giá việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước là kịp thời nhưng chưa cụ thể, chiếm 42%.

- Có 05/50 phiếu đánh giá việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước là cụ thể nhưng không kịp thời, chiếm 10%.

- Có 24/50 phiếu đánh giá việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, văn bản hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước là kịp thời và đầy đủ, chiếm 48%.

1.5. Đánh giá việc ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước

- Có 30/50 phiếu đánh giá việc ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước là kịp thời, đầy đủ, chiếm 60%.

- Có 12/50 phiếu đánh giá việc ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước là ban hành kịp thời nhưng chưa đầy đủ, chiếm 24%.

- Có 08/50 phiếu đánh giá việc ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước là chưa ban hành đầy đủ, kịp thời, chiếm 16%.

1.6. Đánh giá về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hiện nay

- Có 44/50 phiếu đánh giá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hiện nay là phù hợp, chiếm 88%.

- Có 06/50 phiếu đánh giá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hiện nay là chưa phù hợp, chiếm 12%.

1.7. Đánh giá về mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực về bảo vệ môi trường hiện nay

- Có 11/50 phiếu đánh giá mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực về bảo vệ môi trường hiện nay là thấp, chiếm 22%.

- Có 37/50 phiếu đánh giá mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực về bảo vệ môi trường hiện nay là trung bình, chiếm 74%.

- Có 02/50 phiếu đánh giá mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực về bảo vệ môi trường hiện nay là cao, chiếm 4%.

1.8. Đánh giá việc thực hiện thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường

1.8.1. Đánh giá mức độ phù hợp của các quy định thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Có 46/50 phiếu đánh giá các quy định thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường đã phù hợp, chiếm 92%.

- Có 04/50 phiếu đánh giá các quy định thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường chưa phù hợp, chiếm 8%.

1.8.2. Đánh giá thời gian trả kết quả thủ tục hành chính

- Có 49/50 phiếu đánh giá thời gian trả kết quả thủ tục hành chính đã hợp lý, chiếm 98%.

- Có 01/50 phiếu đánh giá thời gian trả kết quả thủ tục hành chính chưa hợp lý, chiếm 2%.

1.8.3. Đánh giá mức phí thủ tục hành chính phải nộp theo quy định

- Có 05/50 phiếu đánh giá mức phí thủ tục hành chính phải nộp theo quy định là thấp, chiếm 10%.

- Có 45/50 phiếu đánh giá mức phí thủ tục hành chính phải nộp theo quy định là phù hợp, chiếm 90%.

1.8.4. Đánh giá các giấy tờ liên quan đến thủ tục hành chính

- Có 47/50 phiếu đánh giá các giấy tờ liên quan đến thủ tục hành chính là hợp lý, chiếm 94%.

- Có 03/50 phiếu đánh giá các giấy tờ liên quan đến thủ tục hành chính là chưa hợp lý, chiếm 6%.

1.9. Đánh giá hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thường xảy ra ở địa phương

- Có 04/50 phiếu đánh giá vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thường xảy ra ở địa phương, chiếm 8%.

- Có 03/50 phiếu đánh giá vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thường xảy ra ở địa phương, chiếm 6%.

- Có 04/50 phiếu đánh giá vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thường xảy ra ở địa phương, chiếm 8%.

- Có 28/50 phiếu đánh giá vi phạm các quy định về xả nước thải thường xảy ra ở địa phương, chiếm 56%.

- Có 28/50 phiếu đánh giá vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải thường xảy ra ở địa phương, chiếm 56%.

- Có 18/50 phiếu đánh giá vi phạm các quy định về tiếng ồn, độ rung thường xảy ra ở địa phương, chiếm 36%.

- Có 17/50 phiếu đánh giá vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đất thường xảy ra ở địa phương, chiếm 34%.

- Có 08/50 phiếu đánh giá vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý, vận chuyển chất thải nguy hại thường xảy ra ở địa phương, chiếm 16%.

- Có 16/50 phiếu đánh giá vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường thường xảy ra ở địa phương, chiếm 32%.

- Có 02/50 phiếu đánh giá vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản thường xảy ra ở địa phương, chiếm 4%.

- Có 17/50 phiếu đánh giá vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư thường xảy ra ở địa phương, chiếm 34%.

- Có 15/50 phiếu đánh giá vi phạm các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thường xảy ra ở địa phương, chiếm 30%.

- Có 15/50 phiếu đánh giá hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thường xảy ra ở địa phương là các hành vi khác các hành vi nêu trên, chiếm 30%.

1.10. Đánh giá nguyên nhân của các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường

- Có 03/50 phiếu đánh giá nguyên nhân của các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường do các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thiếu khả thi, không sát với thực tế, chiếm 6%.

- Có 19/50 phiếu đánh giá nguyên nhân của các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường do các vấn đề mới phát sinh, cần phải có văn bản hướng dẫn mới để điều chỉnh, chiếm 38%.

- Có 37/50 phiếu đánh giá nguyên nhân của các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường do ý thức chấp hành của tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thi hành, chiếm 74%.

- Có 07/50 phiếu đánh giá nguyên nhân của các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường do cơ quan quản lý nhà nước chưa làm hết chức năng, nhiệm vụ, chiếm 14%.

- Có 08/50 phiếu đánh giá nguyên nhân của các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường do quá trình tổ chức, thực hiện các quy định của pháp luật chưa nghiêm, chiếm 16%.

- Có 17/50 phiếu đánh giá nguyên nhân của các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường do thiếu hiểu biết các quy định của pháp luật, chiếm 34%.

1.11. Đánh giá việc tổ chức thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường của các cơ quan nhà nước

- Có 22/50 phiếu trả lời các cơ quan nhà nước có tổ chức thanh tra, kiểm tra theo định kỳ, chiếm 44%.

- Có 15/50 phiếu trả lời các cơ quan nhà nước có tổ chức thanh tra, kiểm tra đột xuất, chiếm 30%.

- Có 13/50 phiếu trả lời các cơ quan nhà nước có tổ chức không thanh tra, kiểm tra, chiếm 26%.

1.12. Đánh giá việc phát hiện và xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường của cơ quan nhà nước

- Có 34/50 phiếu đánh giá việc phát hiện và xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường của cơ quan nhà nước là tốt, chiếm 68%.

- Có 15/50 phiếu đánh giá việc phát hiện và xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường của cơ quan nhà nước là trung bình, chiếm 30%.

- Có 01/50 phiếu đánh giá việc phát hiện và xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường của cơ quan nhà nước là chưa tốt, chiếm 2%.

1.13. Đánh giá việc xử lý kết quả sau hoạt động thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường

- Có 46/50 phiếu đánh giá việc xử lý kết quả sau thanh tra, kiểm tra là kịp thời, đầy đủ, chiếm 92%.

- Có 04/50 phiếu đánh giá việc xử lý kết quả sau thanh tra, kiểm tra không kịp thời, chiếm 8%.

1.14. Đánh giá việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường hiện nay

- Có 34/50 phiếu đánh giá tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường đã chấp hành nghiêm quyết định xử phạt vi phạm hành chính, chiếm 68%.

- Có 16/50 phiếu đánh giá tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường chấp hành chưa nghiêm quyết định xử phạt vi phạm hành chính, chiếm 32%.

- Không có phiếu nào đánh giá là không chấp hành.

1.15. Đánh giá mức độ cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường

Qua khảo sát 50/50 phiếu đánh giá là cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, chiếm 100%.

1.16. Đánh giá giải pháp cần tập trung thực hiện để nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Có 39/50 phiếu lựa chọn giải pháp cần tập trung thực hiện là hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, chiếm 78%.

- Có 37/50 phiếu lựa chọn giải pháp cần tập trung thực hiện là đơn giản hóa thủ tục hành chính, chiếm 74%.

- Có 36/50 phiếu lựa chọn giải pháp cần tập trung thực hiện là phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, chiếm 72%.

- Có 01/50 phiếu lựa chọn giải pháp khác các giải pháp nêu trên, chiếm 2%.

1.17. Đánh giá giải pháp cần tập trung thực hiện để tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

- Có 45/50 phiếu lựa chọn giải pháp cần tập trung tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, chiếm 90%.

- Có 39/50 phiếu lựa chọn giải pháp cần tập trung nâng cao năng lực của cán bộ công chức làm công tác bảo vệ môi trường, chiếm 78%.

- Có 37/50 phiếu lựa chọn giải pháp cần tập trung cải thiện cơ sở vật chất, tăng cường huy động nguồn lực tài chính cho công tác bảo vệ môi trường, chiếm 74%.

- Có 43/50 phiếu lựa chọn giải pháp cần tập trung tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, chiếm 86%.

- Có 40/50 phiếu lựa chọn giải pháp cần tập trung tăng cường sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa các đơn vị, chiếm 80%.

- Có 39/50 phiếu lựa chọn giải pháp cần tập trung đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, chiếm 78%.

1.18. Đánh giá khó khăn, vướng mắc, tồn tại trong hoạt động quản lý nhà nước lĩnh vực bảo vệ môi trường hiện nay; đề xuất, kiến nghị giải quyết

Qua khảo sát, có 21 cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức nêu các khó khăn, vướng mắc, tồn tại trong hoạt động quản lý nhà nước lĩnh vực bảo vệ môi trường hiện nay; đề xuất, kiến nghị giải quyết, cụ thể như sau:

**** Khó khăn, vướng mắc, tồn tại:***

(1) Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác bảo vệ môi trường chưa tốt; các hoạt động bảo vệ môi trường chưa được gắn kết chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, đặc biệt là cấp cơ sở.

(2) Kinh phí đảm bảo cho công tác bảo vệ môi trường còn hạn chế, đặc biệt kinh phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải tập trung; cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực thực hiện công tác bảo vệ môi trường chưa đảm bảo, đặc biệt đối với đơn vị hành chính cấp xã.

(3) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về môi trường ở một số xã còn hạn chế, chưa hiệu quả; ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của người dân chưa cao; vẫn còn một số đơn vị vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm môi trường và bức xúc trong nhân dân.

(4) Hệ thống tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ lĩnh vực tài nguyên môi trường còn thiếu; việc kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm còn chưa chủ động, kịp thời; áp dụng các chế tài xử lý hành chính còn chưa nghiêm dẫn đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước chưa cao.

(5) Cơ sở pháp lý, chế tài xử phạt vi phạm đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường và các loại tội phạm về môi trường hiện nay còn thiếu, chưa đủ mạnh. Thực tế, ít các trường hợp gây ô nhiễm môi trường bị xử lý hình sự.

(6) Huy động nguồn lực xã hội hóa trong công tác này chưa đạt yêu cầu.

**** Đề xuất, kiến nghị:***

(1) *Đối với Quốc hội:* Đề nghị chỉ đạo nghiên cứu, đánh giá và tiếp thu những kiến nghị của bộ, ngành, địa phương trong tổng kết thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 để hoàn chỉnh dự thảo Luật thay thế Luật bảo vệ môi trường năm 2014.

(2) Đối với Chính phủ:

- Chỉ đạo Ban soạn thảo tiếp thu kiến nghị của bộ, ngành, địa phương trong tổng kết thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 để hoàn chỉnh dự thảo Luật thay thế Luật bảo vệ môi trường năm 2014 trình Quốc hội.

- Ban hành chính sách thu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải công nghiệp nhằm điều chỉnh hành vi của các đơn vị sản xuất công nghiệp, hướng tới giảm thiểu việc xả khí thải gây ô nhiễm môi trường và tạo nguồn thu cho công tác bảo vệ môi trường.

- Phân bổ nguồn Ngân sách Trung ương cho địa phương để triển khai các Chương trình, dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đầu tư cơ sở, hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở thuộc đối tượng công ích (chợ, bệnh viện, bãi rác...).

(3) Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Chỉ đạo nghiên cứu đánh giá công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh tế để xác định các công nghệ tiên tiến làm cơ sở nhân rộng thực hiện tại các địa phương, trong đó có tỉnh Tuyên Quang.

- Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, có kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật cho cán bộ, công chức để nắm vững quy định của pháp luật, trao đổi, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc; rà soát, hoàn thiện hoặc kiến nghị hoàn thiện các văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành.

(4) Các bộ, ngành, địa phương

- Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế, báo cáo viên pháp luật để tham gia tích cực, có hiệu quả vào hoạt động theo dõi thi hành pháp luật; tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, công tác phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước, tập trung rà soát, hoàn thiện chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác bảo vệ môi trường; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý chất thải rắn sinh hoạt, xử lý (nước thải) đô thị.

2. Kết quả khảo sát đối với doanh nghiệp, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân là người lao động của doanh nghiệp, thành viên hợp tác xã (Phiếu khảo sát số 02)

Sở Tư pháp đã thực hiện khảo sát ý kiến của 50 doanh nghiệp, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân, trong đó:

- Chia theo loại hình doanh nghiệp: (1) Doanh nghiệp tư nhân: 04 doanh nghiệp, chiếm 8%; (2) Công ty trách nhiệm hữu hạn: 34 doanh nghiệp, chiếm 68%; (3) Công ty cổ phần: 12 doanh nghiệp, chiếm 24%; Chia theo lĩnh vực hoạt động chủ yếu: (1) Tài nguyên và môi trường: 06 doanh nghiệp, chiếm 12%; (2) Xây dựng, Công nghiệp/Chế tạo: 17 doanh nghiệp, chiếm 34%; (3) Dịch vụ/Thương mại: 07 doanh nghiệp, chiếm 14%; (4) Nông nghiệp/Lâm nghiệp/Thủy sản: 16 doanh nghiệp, chiếm 32%; (6) Loại hình khác: 01 doanh nghiệp, chiếm 2%.

- Người trả lời phiếu khảo sát: (1) Lãnh đạo doanh nghiệp: 24 người, chiếm 48%; (2) Nhân viên: 26 người, chiếm 52%.

- Giới tính: (1) Nam: 28 người, chiếm 56%; (2) Nữ: 22 người, chiếm 44%.

- Độ tuổi: (1) Từ 26 đến 35 tuổi: 12 người, chiếm 24%; (2) Từ 36 đến 45 tuổi: 13 người, chiếm 26%; (3) Từ 46 đến 55 tuổi: 15 người, chiếm 30%; (4) Trên 55 tuổi: 10 người, chiếm 20%.

- Trình độ học vấn: (1) Sơ cấp: 07 người, chiếm 14%; (2) Trung cấp: 17 người, chiếm 34%; (3) Cao đẳng: 07 người, chiếm 14%; (4) Đại học: 15 người, chiếm 30%; (5) Thạc sỹ: 04 người, chiếm 8%.

- Nghề nghiệp: (1) Công nhân: 08 người, chiếm 16%; (2) Kế toán: 09 người, chiếm 18%; (3) Văn phòng: 11 người, chiếm 22%; (4) Kỹ sư: 11 người, chiếm 22%; Khác: 11 người, chiếm 22%.

Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

2.1. Đánh giá tuyên truyền phổ biến các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường

- Có 25/50 tổ chức, cá nhân trả lời thường xuyên được tuyên truyền các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường, chiếm 50%.

- Có 21/50 tổ chức, cá nhân trả lời có được tuyên truyền các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường nhưng không thường xuyên, chiếm 42%.

- Có 04/50 tổ chức, cá nhân trả lời không được tuyên truyền các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường, chiếm 8%.

Trong 46 tổ chức, cá nhân có câu trả lời là “Có” hoặc “Có nhưng không thường xuyên”, các tổ chức, cá nhân này được tuyên truyền thông qua các hình thức:

- Có 05/46 tổ chức, cá nhân được tuyên truyền thông qua trang thông tin điện tử của các cơ quan đơn vị, chiếm 10,87%.

- Có 31/46 tổ chức, cá nhân được tuyên truyền thông qua phát thanh, truyền hình, chiếm 67,39%.

- Có 11/46 tổ chức, cá nhân được tuyên truyền thông qua băng rôn, áp phích tại đơn vị, chiếm 23,91%.

- Có 25/46 tổ chức, cá nhân được tuyên truyền thông qua hội nghị, tập huấn, tọa đàm, diễn đàn, chiếm 54,35%.

- Có 21/46 tổ chức, cá nhân được tuyên truyền thông qua hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước, chiếm 45,65%.

- Có 22/46 tổ chức, cá nhân được tuyên truyền thông qua mạng xã hội, chiếm 47,83%.

- Có 15/46 tổ chức, cá nhân được tuyên truyền thông qua cuộc họp thôn, bản, tổ phố, chiếm 32,61%.

2.2. Đánh giá mức độ hiểu rõ các quy định của pháp luật hiện hành có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường

- Có 27/50 tổ chức, cá nhân trả lời đã hiểu rõ các quy định của pháp luật hiện hành có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường, chiếm 54%.

- Có 19/50 tổ chức, cá nhân trả lời hiểu chưa rõ các quy định của pháp luật hiện hành có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường, chiếm 38%.

- Có 04/50 tổ chức, cá nhân trả lời không hiểu các quy định của pháp luật hiện hành có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường, chiếm 8%.

2.3. Đánh giá hoạt động tuyên truyền, phổ biến làm thay đổi nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, người lao động trong doanh nghiệp

- Có 19/50 tổ chức, cá nhân đánh giá hoạt động tuyên truyền, phổ biến đã có tác động tốt trong việc làm thay đổi nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, người lao động trong doanh nghiệp, chiếm 38%.

- Có 26/50 tổ chức, cá nhân đánh giá hoạt động tuyên truyền, phổ biến đã có tác động khá trong việc làm thay đổi nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, người lao động trong doanh nghiệp, chiếm 52%.

- Có 05/50 tổ chức, cá nhân đánh giá hoạt động tuyên truyền, phổ biến có tác động chưa tốt đến việc làm thay đổi nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật

về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, người lao động trong doanh nghiệp, chiếm 10%.

2.4. Đánh giá việc thực hiện công khai các thông tin về môi trường của cơ quan nhà nước

- Có 28/50 tổ chức, cá nhân đánh giá các cơ quan nhà nước đã công khai đầy đủ các thông tin về môi trường, chiếm 56%.

- Có 22/50 tổ chức, cá nhân đánh giá các cơ quan nhà nước có công khai nhưng chưa đầy đủ các thông tin về môi trường, chiếm 44%.

- Không có tổ chức, cá nhân đánh giá việc các cơ quan nhà nước không công khai các thông tin về môi trường.

2.5. Đánh giá nội dung, hình thức công khai thông tin môi trường

- Có 42/50 tổ chức, cá nhân đánh giá nội dung, hình thức công khai thông tin môi trường là phù hợp, chiếm 84%.

- Có 08/50 tổ chức, cá nhân đánh giá nội dung, hình thức công khai thông tin môi trường là chưa phù hợp, chiếm 16%.

2.6. Đánh giá việc tham gia/thụ hưởng các hoạt động của do cơ quan nhà nước thực hiện

- Có 27/50 tổ chức, cá nhân cho biết được cơ quan nhà nước cung cấp các thông tin pháp lý về môi trường, chiếm 54%.

- Có 27/50 tổ chức, cá nhân cho biết được cơ quan nhà nước cung cấp tài liệu phổ biến pháp luật về môi trường, chiếm 54%.

- Có 18/50 tổ chức, cá nhân cho biết được tham gia các hội nghị, lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về môi trường, chiếm 36%.

- Có 17/50 tổ chức, cá nhân cho biết được cơ quan nhà nước giải đáp các khó khăn, vướng mắc pháp luật về môi trường, chiếm 34%.

- Có 11/50 tổ chức, cá nhân cho biết chưa tham gia/thụ hưởng hoạt động nào do cơ quan nhà nước thực hiện, chiếm 22%.

2.7. Đánh giá quy định về phí bảo vệ môi trường hiện nay

- Có 44/50 tổ chức, cá nhân đánh giá quy định về phí bảo vệ môi trường hiện nay đã hợp lý, chiếm 88%.

- Có 06/50 tổ chức, cá nhân đánh giá quy định về phí bảo vệ môi trường hiện nay chưa hợp lý, chiếm 12%. Trong đó:

+ Có 02 ý kiến về nội dung chưa hợp lý trong quy định về phí bảo vệ môi trường hiện nay:

(1) *Ý kiến 01*: Chưa phù hợp với thực trạng.

(2) *Ý kiến 02*: Phí môi trường còn cao.

+ Có 01 ý kiến khác liên quan đến quá trình thực thi: Đề nghị công khai mức thu phí của nhà nước.

2.8. Đánh giá các quy định pháp luật bảo vệ môi trường hiện nay

- Có 49/50 tổ chức, cá nhân đánh giá quy định pháp luật bảo vệ môi trường hiện nay đã hợp lý, phù hợp với thực tiễn, chiếm 98%.

- Có 01/50 tổ chức, cá nhân đánh giá quy định pháp luật bảo vệ môi trường hiện nay chưa hợp lý, còn nhiều bất cập, chồng chéo, chiếm 2%.

2.9. Đánh giá mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực về bảo vệ môi trường hiện nay

- Có 16/50 tổ chức, cá nhân nhận xét mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực về bảo vệ môi trường hiện nay là thấp, chiếm 32%.

- Có 32/50 tổ chức, cá nhân nhận xét mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực về bảo vệ môi trường hiện nay là phù hợp, chiếm 64%.

- Có 02/50 tổ chức, cá nhân nhận xét mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực về bảo vệ môi trường hiện nay là cao, chiếm 4%.

2.10. Đánh giá việc thực hiện thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường

2.10.1. Về mức độ phù hợp của các quy định hành chính liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Có 49/50 tổ chức, cá nhân đánh giá các quy định hành chính liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường đã phù hợp, chiếm 98%.

- Có 01/50 tổ chức, cá nhân đánh giá các quy định hành chính liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường chưa phù hợp, chiếm 2%.

2.10.2. Về thời gian trả kết quả thủ tục hành chính

- Có 44/50 tổ chức, cá nhân đánh giá thời gian trả kết quả thủ tục hành chính đã hợp lý, chiếm 88%.

- Có 06/50 tổ chức, cá nhân đánh giá thời gian trả kết quả thủ tục hành chính chưa hợp lý, chiếm 12%.

2.10.3. Về mức phí thủ tục hành chính phải nộp theo quy định

- Có 01/50 tổ chức, cá nhân đánh giá mức phí thủ tục hành chính phải nộp theo quy định là thấp, chiếm 2%.

- Có 47/50 tổ chức, cá nhân đánh giá mức phí thủ tục hành chính phải nộp theo quy định là phù hợp, chiếm 94%.

- Có 02/50 tổ chức, cá nhân đánh giá mức phí thủ tục hành chính phải nộp theo quy định là cao, chiếm 4%.

2.10.4. Về các giấy tờ liên quan đến thủ tục hành chính

- Có 43/50 tổ chức, cá nhân đánh giá các giấy tờ liên quan đến thủ tục hành chính đã hợp lý, chiếm 86%.

- Có 07/50 tổ chức, cá nhân đánh giá các giấy tờ liên quan đến thủ tục hành chính chưa hợp lý, chiếm 14%.

2.10.5. Về thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước

- Có 45/50 tổ chức, cá nhân đánh giá thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước là đúng quy định, chiếm 90%.

- Có 05/50 tổ chức, cá nhân đánh giá thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước là không đúng quy định, chiếm 10%.

2.10.6. Mức độ hài lòng của tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá nhân đối với toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan nhà nước

- Có 03/50 tổ chức, cá nhân đánh giá là rất không hài lòng đối với toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan nhà nước, chiếm 6%.

- Có 21/50 tổ chức, cá nhân đánh giá là bình thường đối với toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan nhà nước, chiếm 42%.

- Có 24/50 tổ chức, cá nhân đánh giá là hài lòng đối với toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan nhà nước, chiếm 48%.

- Có 02/50 tổ chức, cá nhân đánh giá là rất hài lòng đối với toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan nhà nước, chiếm 4%.

- Không có tổ chức, cá nhân đánh giá là không hài lòng đối với toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan nhà nước.

2.11. Đánh giá hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thường xảy ra ở địa phương

- Có 02/50 tổ chức, cá nhân đánh giá vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thường xảy ra ở địa phương, chiếm 4%.

- Có 05/50 tổ chức, cá nhân đánh giá vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thường xảy ra ở địa phương, chiếm 10%.

- Có 23/50 tổ chức, cá nhân đánh giá vi phạm các quy định về xả nước thải thường xảy ra ở địa phương, chiếm 46%.

- Có 39/50 tổ chức, cá nhân đánh giá vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải thường xảy ra ở địa phương, chiếm 78%

- Có 25/50 tổ chức, cá nhân đánh giá vi phạm các quy định về tiếng ồn, độ rung thường xảy ra ở địa phương, chiếm 50%.

- Có 08/50 tổ chức, cá nhân đánh giá vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đất thường xảy ra ở địa phương, chiếm 16%.

- Có 08/50 tổ chức, cá nhân đánh giá vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý, vận chuyển chất thải nguy hại thường xảy ra ở địa phương, chiếm 16%.

- Có 14/50 tổ chức, cá nhân đánh giá vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường thường xảy ra ở địa phương, chiếm 28%.

- Có 04/50 tổ chức, cá nhân đánh giá vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản thường xảy ra ở địa phương, chiếm 8%.

- Có 11/50 tổ chức, cá nhân đánh giá vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư thường xảy ra ở địa phương, chiếm 22%.

- Có 07/50 tổ chức, cá nhân đánh giá vi phạm các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thường xảy ra ở địa phương, chiếm 14%.

- Không có tổ chức, cá nhân đánh giá vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường là vi phạm thường xảy ra ở địa phương.

2.12. Đánh giá nguyên nhân của các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường

- Có 07/50 tổ chức, cá nhân đánh giá nguyên nhân của các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường là do các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thiếu khả thi, không sát với thực tế, chiếm 14%.

- Có 20/50 tổ chức, cá nhân đánh giá nguyên nhân của các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường là do các vấn đề mới phát sinh, cần phải có văn bản hướng dẫn mới để điều chỉnh, chiếm 40%.

- Có 27/50 tổ chức, cá nhân đánh giá nguyên nhân của các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường là do ý thức chấp hành của tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thi hành, chiếm 54%.

- Có 16/50 tổ chức, cá nhân đánh giá nguyên nhân của các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường là do cơ quan quản lý nhà nước chưa làm hết chức năng, nhiệm vụ, chiếm 32%.

- Có 25/50 tổ chức, cá nhân đánh giá nguyên nhân của các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường là do quá trình tổ chức, thực hiện các quy định của pháp luật chưa nghiêm, chiếm 50%.

- Có 18/50 tổ chức, cá nhân đánh giá nguyên nhân của các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường là do thiếu hiểu biết các quy định của pháp luật, chiếm 36%.

2.13. Đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Có 32/50 tổ chức, cá nhân cho biết được cơ quan nhà nước thanh tra, kiểm tra theo định kỳ, chiếm 64%.

- Có 13/50 tổ chức, cá nhân cho biết được cơ quan nhà nước thanh tra, kiểm tra đột xuất, chiếm 26%.

- Có 05/50 tổ chức, cá nhân cho biết không được cơ quan nhà nước thanh tra, kiểm tra, chiếm 10%.

2.14. Đánh giá việc phát hiện và xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường của các cơ quan quản lý nhà nước hiện nay

- Có 18/50 tổ chức, cá nhân đánh giá việc phát hiện và xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường của các cơ quan quản lý nhà nước hiện nay là tốt, chiếm 36%.

- Có 24/50 tổ chức, cá nhân đánh giá việc phát hiện và xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường của các cơ quan quản lý nhà nước hiện nay là trung bình, chiếm 48%.

- Có 08/50 tổ chức, cá nhân đánh giá việc phát hiện và xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường của các cơ quan quản lý nhà nước hiện nay là chưa tốt, chiếm 16%.

2.15. Đánh giá việc cơ quan nhà nước thực hiện xử lý kết quả sau hoạt động thanh tra, kiểm tra bảo vệ môi trường

- Có 41/50 tổ chức, cá nhân đánh giá cơ quan nhà nước thực hiện xử lý kịp thời, đầy đủ kết quả sau thanh tra, kiểm tra, chiếm 82%.

- Có 09/50 tổ chức, cá nhân đánh giá cơ quan nhà nước không xử lý sau thanh tra, kiểm tra, chiếm 18%.

2.16. Đánh giá việc bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường

- Có 08/50 tổ chức, cá nhân cho biết có bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường, chiếm 16%. Trong đó:

+ Có 05/8 tổ chức, cá nhân cho biết đã chấp hành nghiêm các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

+ Có 03/8 tổ chức, cá nhân cho biết chưa chấp hành nghiêm các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Có 42/50 tổ chức, cá nhân cho biết không bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường, chiếm 84%.

2.17. Đánh giá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường hiện nay

- Có 37/50 tổ chức, cá nhân đánh giá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường hiện nay đã phù hợp, chiếm 74%.

- Có 13/50 tổ chức, cá nhân đánh giá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường hiện nay chưa phù hợp, chiếm 26%.

2.18. Đánh giá giải pháp cần tập trung thực hiện để tăng cường hơn nữa hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

- Có 50/50 tổ chức, cá nhân lựa chọn giải pháp cần tập trung tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, chiếm 100%.

- Có 45/50 tổ chức, cá nhân lựa chọn giải pháp nâng cao năng lực của cán bộ công chức làm công tác bảo vệ môi trường, chiếm 90%.

- Có 37/50 tổ chức, cá nhân lựa chọn giải pháp tăng cường cơ sở vật chất, huy động nguồn lực tài chính cho công tác bảo vệ môi trường, chiếm 74%.

- Có 38/50 tổ chức, cá nhân lựa chọn giải pháp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, chiếm 76%.

- Có 37/50 tổ chức, cá nhân lựa chọn giải pháp tăng cường sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa các đơn vị, chiếm 74%.

- Có 30/50 tổ chức, cá nhân lựa chọn giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, chiếm 60%.

2.19. Đánh giá giải pháp cần tập trung thực hiện để nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Có 46/50 tổ chức, cá nhân lựa chọn giải pháp cần tập trung hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, chiếm 92%.

- Có 45/50 tổ chức, cá nhân lựa chọn giải pháp cần tập trung thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, chiếm 90%.

- Có 37/50 tổ chức, cá nhân lựa chọn giải pháp cần tập trung thực hiện phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, chiếm 74%.

2.20. Đánh giá các khó khăn, vướng mắc của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đề xuất, kiến nghị giải quyết các khó khăn, vướng mắc

Qua khảo sát, có 07 tổ chức, cá nhân nêu các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và đề xuất, kiến nghị giải quyết, cụ thể như sau:

(1) Doanh nghiệp đã gửi “*Phương án bảo vệ môi trường*” của dự án đầu tư nhưng lâu chưa nhận được phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước mà không có lý do.

(2) Nhân dân đang sử dụng bừa bãi thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp, nhất là các loại thuốc diệt cỏ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến chất lượng sản phẩm nông sản. Vì vậy, đề nghị các cơ quan chuyên môn mở các lớp tập huấn về sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật; đề nghị cơ quan có chức năng thường xuyên kiểm tra các đại lý buôn bán, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn để xử lý nghiêm các đại lý bán các loại thuốc có trong danh mục cấm của nhà nước; đề nghị hỗ trợ kinh phí để thu gom, vận chuyển vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật đến nơi tiêu hủy theo quy định để đảm bảo môi trường và không ảnh hưởng sức khỏe của nhân dân, người lao động.

(3) Đề nghị tăng cường tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức cho tổ chức, cá nhân pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường; hướng dẫn doanh nghiệp về thành phần hồ sơ, thủ tục về cam kết bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

(4) Công tác đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, máy móc thải đòi hỏi nguồn lực đầu tư nên doanh nghiệp không đáp ứng được yêu cầu, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cần có chính sách của nhà nước để khuyến khích, hỗ trợ xã hội hóa trong lĩnh vực xử lý nước thải, rác thải công nghiệp mới đảm bảo nghiêm việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường.

(5) Toàn bộ hệ thống nước thải của khi dân cư xã cùng với hệ thống tưới tiêu sản xuất nông nghiệp gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp; Tàu khai thác cát, sỏi hiện nay gây sạt, lở mất nhiều đất sản xuất nông nghiệp đã giao khoán cho nông dân phường Nông Tiến.

(6) Đề nghị định kỳ tổ chức các lớp phổ biến, tập huấn về quy định của pháp luật bảo vệ môi trường cho doanh nghiệp, nhất là khi có nhiều quy định, văn bản hướng dẫn mới.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Qua khảo sát cho thấy công tác thi hành pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đã đạt được một số kết quả nhất định, như: việc thực hiện các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường nhanh chóng, hiệu quả; các giấy tờ, mức chi phí tuân thủ, thời gian trả kết quả đã phù hợp, đúng quy định; các chính sách, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được công khai rộng rãi, thông tin tuyên truyền kịp thời, đầy đủ, tạo điều kiện cho công chức, viên chức công tác tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người lao động trong doanh nghiệp tiếp cận các chính sách dễ dàng, chủ động liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn; các tổ chức, cá nhân hiểu rõ các quy định của pháp luật hiện hành có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường.

Thông qua kết quả khảo sát xác định được hành vi vi phạm phổ biến trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, nguyên nhân của các hành vi vi phạm, từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường.

2.2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, qua công tác khảo sát nhận thấy còn một số tồn tại, hạn chế, như: vẫn còn tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tập trung ở các hành vi vi phạm phổ biến như vi phạm các quy định về xả nước thải, bụi thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung; vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, rác thải, chôn, lấp tác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp...; nguyên nhân của các hành vi nêu trên chủ yếu là do thiếu hiểu biết quy định của pháp luật, ý thức chấp hành của tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thi hành; do cơ quan quản lý nhà nước chưa làm hết chức năng, nhiệm vụ, quá trình tổ chức thực hiện chưa nghiêm; do các vấn đề mới phát sinh, cần có văn bản mới điều chỉnh,...; hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường chưa cụ thể, một số nội dung còn bất cập; việc chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính chưa nghiêm (chiếm 32%),... Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác bảo vệ môi trường chưa tốt; kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ: Sớm tham mưu trình Quốc hội sửa đổi Luật bảo vệ môi trường trên cơ sở tổng kết thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; ban hành một số cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa trong hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu cho Chính phủ trong việc hoàn thiện hệ thống quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường; rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành; quan tâm mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật cho cán bộ, công chức để nắm vững quy định của pháp luật; kịp thời trao đổi, nắm bắt để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của địa phương.

3. Các Sở, ban, ngành, địa phương:

- Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế, báo cáo viên pháp luật để tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác bảo vệ môi trường.

- Tăng cường phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác bảo vệ môi trường.

Trên đây là Báo cáo của Sở Tư pháp về kết quả khảo sát tình hình thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2020./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/cáo);
- Các sở, ban, ngành;
- Lãnh đạo Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.Loan.2b.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược